

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 8 - 2025
V/v “Không công nhận quan hệ vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tổng Duy Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lục Văn Chăng.
- Bà Nguyễn Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Giàng Mạnh Vàng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai xét xử sơ thẩm C2 khai vụ án thụ lý số: 12/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/7/2025 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Giàng Seo P, năm sinh 1982.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn L, xã B, tỉnh Lào Cai - Có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hảng Seo Q, năm sinh 1979.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn L, xã B, tỉnh Lào Cai - Có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Giàng Seo P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh Q về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, anh chị được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của người Mông. Do không hiểu biết pháp luật nên khi chị P đủ tuổi thì anh chị vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và anh chị sinh được bốn người con. Đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn đỉnh điểm là vào năm 2023, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống

hàng ngày, trong việc làm kinh tế gia đình cũng như việc nuôi dạy con. Anh chị đã ly thân nhau từ năm 2023, không ai quan tâm đến ai cả về mặt tình cảm cũng như về kinh tế. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng chị đã không còn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng kéo dài, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, chị P đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị P và anh Q là vợ chồng.

- Về con chung: Chị P và anh Q chỉ có bốn người con chung là cháu Hằng Seo S, sinh ngày 03/3/2000, cháu Hằng Seo C, sinh ngày 28/02/2002, cháu Hằng Seo C1, sinh ngày 02/3/2005 và cháu Hằng Seo C2, sinh ngày 13/6/2008. Nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Q được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Hằng Seo C2 cho đến khi cháu C2 đủ 18 tuổi. Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu C2 không được ai tặng cho, thừa kế tài sản gì và đang ở với anh Q; còn cháu S, cháu C và cháu C1 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay nghề nghiệp của chị P là làm tự do, thu nhập một tháng khoảng 3.000.000 đồng. Còn anh Q nghề nghiệp là làm ruộng, nương, đi làm thuê, thu nhập một tháng cũng khoảng 5.000.000 đồng.

2. Đề nghị của bị đơn: Tại Biên tự khai ngày 17/7/2025 và những lời trình bày tiếp theo, bị đơn anh Hằng Seo Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Q nhất trí với chị P đã trình bày về thời gian chung sống, việc tổ chức cưới hỏi, nơi cư trú, nghề nghiệp, thu nhập của chị P, anh Q và bốn con của anh chị. Cuộc sống vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn đỉnh điểm trầm trọng của anh chị là vào năm 2023. Nguyên nhân là do anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm sống hàng ngày, trong việc làm kinh tế gia đình cũng như việc nuôi dạy con. Anh chị đã ly thân nhau từ năm 2023, đến thời điểm này anh Q và chị P hai bên đều không ai quan tâm gì đến ai về cả mặt tình cảm cũng như về kinh tế. Nay anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng kéo dài, chị P yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị P và anh Q thì anh Q không có ý kiến gì.

- Về con chung: Nay anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Q được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Hằng Seo C2 cho đến khi cháu C2 đủ 18 tuổi. Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu S, cháu C và cháu C1 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, anh Q và cháu C2 đều đang ở tại nhà riêng của anh Q tại thôn L, xã B, tỉnh Lào Cai.

3. Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên là cháu Hằng Seo C2 trình bày: Nếu bố mẹ để cháu không chung sống với nhau nữa, thì nguyện vọng của cháu C2 được ở với bố, vì bố đẻ của cháu là người quan tâm chăm sóc cháu về mọi mặt, còn mẹ đẻ cháu không quan tâm đến cháu nhiều.

4. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

4.1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý đúng quy

định tại các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các từ Điều 93 đến Điều 97; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

4.2. Ý kiến về việc giải quyết vụ việc: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xét xử theo hướng:

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa chị Giàng Seo P và anh Hảng Seo Q là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao cháu Hảng Seo C2 sinh ngày 13/6/2008 cho anh Hảng Seo Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu C2 đủ 18 tuổi, chị Giàng Seo P không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Miễn án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

4.3. Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của chị P thuộc thẩm quyền giải của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án nguyên đơn và bị đơn đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải và chuẩn bị xét xử. Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh Q về chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải về mối quan hệ hôn nhân của chị P và anh Q, việc chị P đề nghị Toà

án giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị P và anh Q là vợ chồng là có căn cứ và được Tòa án xem xét giải quyết. Nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị P và anh Q là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong thời gian chị P và anh Q chung sống với nhau chỉ có bốn người con chung là cháu Hằng Seo S, cháu Hằng Seo C, cháu Hằng Seo C1 và cháu Hằng Seo C2, hiện nay cháu C2 đang ở cùng với anh Q, bản thân cháu C2 có nguyện vọng là được ở với anh Q, anh Q là người quan tâm chăm sóc cháu C2 về mọi mặt; nghề nghiệp của chị P là làm tự do, thu nhập một tháng khoảng 3.000.000 đồng, còn nghề nghiệp của anh Q là làm tự do, là làm ruộng, nương, đi làm thuê thu nhập một tháng khoảng 5.000.000 đồng. Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải và tại Biên bản hòa giải ngày 08/8/2025, chị P và anh Q đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Cụ thể, anh Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu C2 cho đến khi cháu C2 đủ 18 tuổi. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 15 và khoản 1,2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Đồng thời, sau khi chị P và anh Q không còn chung sống với nhau, người không trực tiếp nuôi con: có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 1 Điều 71, khoản 1,3 Điều 82 và khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Còn cháu S, cháu C và cháu C1 đã trưởng thành và có gia đình riêng, cả chị P và anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với cháu S, cháu C và cháu C1, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tại Biên bản hòa giải ngày 08/8/2025, chị P và anh Q đã thỏa thuận là chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P đã nộp đơn đề nghị Tòa án miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí hôn nhân gia đình và cung cấp văn bản xác nhận chị P là cá nhân thuộc hộ cận nghèo. Xét đề nghị của chị P là có căn cứ, phù hợp với khoản 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1,5,6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82 và khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1,5,6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Giàng Seo P và anh Hảng Seo Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Anh Hảng Seo Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hảng Seo C2, sinh ngày 13/6/2008 cho đến khi cháu C2 đủ 18 tuổi. Chị Giàng Seo P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Giàng Seo P được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND cùng cấp (2);
- THADS tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HSVA, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Tổng Duyệt Toán